

Số 446/QĐ – THCSHL

Mường Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025**  
**của Trường THCS Him Lam**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THCS Him Lam.

**Số tiền bằng số : 109.240.000 đ**

( Bằng chữ: Một trăm linh chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

( Chi tiết kèm theo phụ lục 01)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan của Trường THCS Him Lam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT

-Trang Website (công khai)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Cao Thị Đại**

Phụ lục 1

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số 16/QĐ-THCSHL, ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường THCS Him Lam)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí	Dự toán phân bổ	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>109.240.000</b>	
-	Chi thường xuyên	13	43.000.000	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục (C822-K073-N13)
-	Kinh phí không thường xuyên	15	15.240.000	Kinh phí thực hiện chính sách theo ND số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; ND số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025; Miễn học phí (C822-K073-N15)
-	Kinh phí không thường xuyên	15	51.000.000	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo ND số 28/2012/ND-CP ngày 10/4/2012